

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT MÔN HỌC

PHÂN TÍCH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1.Thông tin chung:

1. Số đơn vị học trình/ tín chỉ: 4 đvht (60 tiết)
2. Các môn học tiên quyết: Kế toán tài chính
3. Thời gian phân bổ đối với các hoạt động:
 - + Nghe giảng lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành: 30 tiết

2.Mục tiêu của môn học:

Sau khi học xong môn học này, người học có kiến thức và kỹ năng sau:

- Biết sử dụng các công cụ định lượng vào phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và các hoạt động khác của doanh nghiệp.
- Biết phân tích, đánh giá các chỉ tiêu sinh lời, chỉ tiêu thanh toán
- Biết phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động, vốn cố định
- Biết phân tích và đánh giá tính độc lập hay phụ thuộc về mặt tài chính của doanh nghiệp thông qua bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh
- Biết phân tích chi phí để đưa ra phương án hạ giá thành sản phẩm

3.Tóm tắt nội dung môn học:

- Những vấn đề chung về phân tích hoạt động kinh doanh
- Phân tích tình hình sản xuất
- Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm
- Phân tích tình hình thu nhập, báo cáo tài chính

4.Học liệu:

- Học liệu bắt buộc
 - + Giáo trình Phân tích hoạt động kinh doanh - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, PGS. TS. Phạm Thị Gái, NXB Thống kê, 2004
 - + Phân tích hoạt động kinh doanh (Lý thuyết, bài tập, bài giảng) - Trường Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh, GVC Nguyễn Thị My & TS Phan Đức Dũng, NXB Thống kê, 2008
 - + Giáo trình Phân tích tài chính Doanh nghiệp - Học viện Tài chính, GS.TS. Ngô Thế Chi & PGS.TS Nguyễn Trọng Cơ, NXB Tài chính, 2008
- Học liệu tham khảo
 - + Phân tích tài chính doanh nghiệp, người dịch Đỗ Văn Thận, NXB Thống kê
 - + Phân tích hoạt động doanh nghiệp, Nguyễn Tấn Bình, NXB Thống kê, 2008
 - + Phân tích kinh tế doanh nghiệp (Lý thuyết và thực hành) - Đại học Kinh tế Quốc dân, TS Nguyễn Năng Phúc, NXB Tài chính, 2003

5.Nội dung và hình thức dạy – học:

NỘI DUNG (Ghi cụ thể theo từng chương, mục, tiểu mục)	Hình thức dạy - học						Tổng (tiết)
	Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận	HD nhóm	Tự học tự NC	Kiểm tra	
CHƯƠNG 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH KINH DOANH (PTKD)	5	1	1,5	0	(15)	0	7.5
1.1. Đối tượng và nội dung của phân tích KD	2				(3)		2
1.1.1. Đối tượng nghiên cứu của PTKD							
1.1.2. Tác dụng của PTKD trong hệ thống quản lý của DN							
1.1.3. Nội dung của PTKD							
1.1.4. Các chỉ tiêu và hệ thống chỉ tiêu thường dùng trong PTKD							
1.1.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả PT							
1.2- Các phương pháp phân tích KD	2	1	1,5		(10)		4.5
1.2.1. Phương pháp chi tiết (Phương pháp phân chia)							
1.2.2. Phương pháp so sánh							
1.2.3. Phương pháp thay thế liên hoàn							
1.2.4. Phương pháp chênh lệch							
1.2.5. Phương pháp cân đối							
1.3 - Tổ chức phân tích KD	1				(2)		1
1.3.1. Khái quát chung về tổ chức PTKD							
1.3.2. Các loại PTKD							
1.3.3. Tổ chức lực lượng PTKD							
1.3.4. Quy trình tổ chức công tác PTKD							
CHƯƠNG 2 : PHÂN TÍCH KẾT QUẢ VÀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT (SX) TRONG CÁC DOANH NGHIỆP (DN)	2.5	1	1	0	(12)		4.5
2.1. Phân tích kết quả sản xuất	0.5				(1)		0.5
2.1.1. Thị trường và chiến lược sản phẩm							
2.1.2. Đánh giá khái quát quy mô SX và sự thích ứng với cơ chế thị trường							
2.2. - Phân tích các mối quan hệ (mqh) cân đối chủ yếu trong SẢN XUẤT	1				(2)		1
2.2.1. PT kết quả SX theo mặt hàng (ngành hàng)							
2.2.2. PT tính trọn bộ (đồng bộ) của SX							
2.3.- Phân tích chất lượng sản phẩm	1	1	1		(9)		3
2.3.1. Phân tích tình hình sai hỏng trong							

SX							
2.3.2. PT thứ hạng chất lượng SP							
CHƯƠNG 3: PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG (SD) CÁC YẾU TỐ CỦA SXKD	5	2	1		(12)	2	10
3.1. Ý nghĩa & nhiệm vụ phân tích tình hình SD các yếu tố SẢN XUẤT	0,5						0,5
3.2. Phân tích tình hình lao động	1,5	0,5	0,5		(5)		2,5
3.2.1. PT tình hình SD số lượng LĐ							
3.2.2. PT tình hình SD năng suất LĐ							
3.3. Phân tích tình hình trang bị và sử dụng TSCĐ	1	0,5			(2)	2	3,5
3.3.1. PT chung tình hình SD TSCĐ							
3.3.2. PT tình hình SD MMTBSX							
3.4. Phân tích tình hình cung cấp NVL cho sản xuất	1,5	0,5	0,5		(5)		2,5
3.4.1. PT tình hình cung cấp NVL theo số lượng (tổng khối lượng NVL)							
3.4.2. PT tình hình cung cấp NVL chủ yếu							
3.5. Phân tích mqh giữa kết quả SX với SD các yếu tố SX, KD	0,5	0,5					1
CHƯƠNG 4 : PHÂN TÍCH CHI PHÍ KD VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	6	3	2	0	(21)	2	13
4.1. Ý nghĩa & nội dung PTCFKD & giá thành SP	1				(1)		1
4.2. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch CFKD & giá thành SP	1	0,5	0,5		(3)		2
4.2.1. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch chi phí KD							
4.2.2. Đánh giá chung tình hình thực hiện KH giá thành của toàn bộ SPHH							
4.3. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành của những sản phẩm có thể so sánh được	2	1	0,5		(9)	2	5,5
4.3.1. Khái niệm và chỉ tiêu PT							
4.3.2. Nội dung, trình tự và phương pháp PT							
4. 4. Phân tích một số khoản mục giá thành chủ yếu	2	1,5	1		(8)		4,5
4.4.1. PT CF NVL							
4.4.2. PT CF nhân công							
4.4.3. PT tình hình thực hiện KH CFSXC							
CHƯƠNG 5 : PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN	4,5	2,5	1	0	(15)	2	10

5.1. Phân tích tình hình tiêu thụ	1,5	1	0,5		(5)		3
5.1.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ							
5.1.2. PT chung tình hình tiêu thụ							
5.1.3. PT những nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ							
5.1.4. PT khối lượng SP tiêu thụ theo điểm hòa vốn							
5.1.5. Phân tích tình hình thực hiện KH tiêu thụ mặt hàng chủ yếu (theo đơn đặt hàng)							
5.2. Phân tích tình hình lợi nhuận (LN)	3	1,5	0,5		(10)	2	7
5.2.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ							
5.2.2. Các bộ phận cấu thành LN của DN							
5.2.3. PT tình hình LN về tiêu thụ SP từ HĐKD							
5.2.4. Phân tích tỷ suất LN (PT khả năng sinh lời)							
CHƯƠNG 6 : PHÂN TÍCH TÌNH TÀI CHÍNH CỦA DN	8,5	3,5	2,5	0	(22)		14,5
6.1. Mục đích, ý nghĩa nội dung và tài liệu phân tích tình hình tài chính	2				(3)		2
6.1.1. Ý nghĩa, mục đích của PT tình hình TC							
6.1.2. Nội dung PT tình hình TC							
6.1.3. Tài liệu PT tình hình TC							
6.2. Đánh giá khái quát tình hình tài chính	2	1,5	1		(7)		4,5
6.2.1. Mục đích và phương pháp PT							
6.2.2. Nội dung và trình tự đánh giá khái quát tình hình TC							
6.3. Phân tích cơ cấu nguồn vốn và t/h đảm bảo nguồn vốn cho HĐSXKD	2	1	0,5		(5)		3,5
6.3.1. Phân tích cơ cấu nguồn vốn							
6.3.2. PT tình hình bảo đảm nguồn vốn cho HĐSX - KD							
6.4. Phân tích tình hình và khả năng thanh toán	1,5	0,5	0,5		(4)		2,5
6.4.1. PT tình hình thanh toán							
6.4.2. PT nhu cầu và khả năng TT							
6.5. Phân tích hiệu quả sử dụng vốn	1,5	0,5	0,5		(3)		2,5
6.5.1. Chỉ tiêu PT							

6.5.2. PT hiệu quả SD vốn dưới góc độ tài sản							
6.5.3. PT tốc độ luân chuyển của TS lưu động (vốn LD)							
6.5.4. PT hiệu quả SD vốn dưới góc độ nguồn vốn							
Tổng cộng							60

6. Lịch trình tổ chức dạy – học cụ thể:

Tuần	Nội dung	Chi tiết về hình thức tổ chức dạy - học	Nội dung yêu cầu sinh viên phải chuẩn bị trước (sinh viên tự học)	Ghi chú
I	CHƯƠNG 1:		ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH KINH DOANH (PTKD)	
	1.1.	LT: 2 tiết	Đối tượng và nội dung của phân tích KD	
	1.2	LT: 2 tiết Thảo luận: 1,5tiết BT: 0,5 tiết	Các phương pháp phân tích KD	
II	1.2: tiếp	LT: 1,5 tiết BT: 1,5 tiết	Các phương pháp phân tích KD	
	1.3	LT: 1 tiết	Tổ chức phân tích KD	
	CHƯƠNG 2 :		PHÂN TÍCH KẾT QUẢ VÀ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT (SX) TRONG CÁC DOANH NGHIỆP (DN)	
	2.1	LT: 1 tiết	Phân tích kết quả sản xuất	
	2.2	LT: 1 tiết	Phân tích các mối quan hệ (mqh) cân đối chủ yếu trong SX	
III	2.2: tiếp	LT: 0,5 tiết BT: 0,5 tiết	Phân tích các mối quan hệ (mqh) cân đối chủ yếu trong SX	
	2.3	LT: 2 tiết Thảo luận: 1 tiết BT: 2 tiết	Phân tích chất lượng sản phẩm	
IV	2.3: tiếp	LT: 1 tiết	Phân tích chất lượng sản phẩm	
	CHƯƠNG 3:		PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH SỬ DỤNG (SD) CÁC YẾU TỐ CỦA SXKD	
	3.1	LT: 0,5 tiết	Ý nghĩa & nhiệm vụ phân tích tình hình SD các yếu tố SẢN XUẤT	
	3.2	LT: 1,5 tiết Thảo luận: 0,5 tiết BT: 0,5 tiết	Phân tích tình hình lao động	
	3.3	LT: 1 tiết Kiểm tra lần 1: 2 tiết	Phân tích tình hình trang bị và sử dụng TSCĐ	
V	3.3: tiếp	BT: 0,5 tiết	Phân tích tình hình trang bị và sử dụng TSCĐ	
	3.4	LT: 1,5 tiết Thảo luận: 0,5 tiết BT: 0,5 tiết	Phân tích tình hình cung cấp NVL cho sản xuất	

	3.5.	LT: 1 tiết	Phân tích mqh giữa kết quả SX với SD các yếu tố SX, KD	
	CHƯƠNG 4 :		PHÂN TÍCH CHI PHÍ KD VÀ GIÁ THÀNH SẢN PHẨM	
	4.1.	LT: 1 tiết	Ý nghĩa & nội dung PTCFKD & giá thành SP	
	4.2	LT: 1 tiết	Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch CFKD & giá thành SP	
VI	4.2: tiếp	Thảo luận: 0,5 tiết BT: 0,5 tiết	Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch CFKD & giá thành SP	
	4.3	LT: 2,5 tiết Thảo luận: 0,5 tiết Kiểm tra lần 2: 2 tiết	Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành của những sản phẩm có thể so sánh được	
VII	4.3: tiếp	BT: 1 tiết	Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch hạ thấp giá thành của những sản phẩm có thể so sánh được	
	4.4	LT: 2,5 tiết Thảo luận: 1,5 tiết BT: 1 tiết	Phân tích một số khoản mục giá thành chủ yếu	
	CHƯƠNG 5 :		PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH TIÊU THỤ VÀ LỢI NHUẬN	
VIII	5.1	LT: 1,5 tiết Thảo luận: 0,5 tiết BT: 1 tiết	Phân tích tình hình tiêu thụ	
	5.2	LT: 2 tiết Thảo luận: 0,5 tiết BT: 0,5 tiết	Phân tích tình hình lợi nhuận	
IX	5.2: tiếp	LT: 1 tiết BT: 1 tiết Kiểm tra lần 3: 2 tiết	Phân tích tình hình lợi nhuận	
	CHƯƠNG 6 :		PHÂN TÍCH TÌNH TÀI CHÍNH CỦA DN	
	6.1	LT: 2 tiết	Mục đích, ý nghĩa nội dung và tài liệu phân tích tình hình tài chính	
X	6.2	LT: 2 tiết Thảo luận: 1,5 tiết BT: 1 tiết	Đánh giá khái quát tình hình tài chính	
	6.3	LT: 1 tiết Thảo luận: 0,5 tiết	Phân tích cơ cấu nguồn vốn và t/h đảm bảo nguồn vốn cho HĐSXKD	
XI	6.3: tiếp	LT: 1 tiết Thảo luận: 0,5 tiết BT: 1,5 tiết	Phân tích cơ cấu nguồn vốn và t/h đảm bảo nguồn vốn cho HĐSXKD	
	6.4	LT: 1,5 tiết Thảo luận: 0,5 tiết BT: 0,5 tiết	Phân tích tình hình và khả năng thanh toán	
	6.5	LT: 0,5 tiết	Phân tích hiệu quả sử dụng vốn	
XII	6.5: tiếp	LT: 1 tiết Thảo luận: 0,5 tiết BT: 1 tiết	Phân tích hiệu quả sử dụng vốn	

7. Tiêu chí đánh giá nhiệm vụ giảng viên giao cho sinh viên:

- Hoàn thành đủ số lượng, khối lượng công việc theo tiến độ
- Đảm bảo chất lượng công việc theo quy định của giảng viên

8. Hình thức kiểm tra, đánh giá môn học:

- Thi tự luận

9. Các loại điểm kiểm tra và trọng số của từng loại điểm:

- Thang điểm: Sử dụng thang điểm 10
- Điểm chuyên cần và kiểm tra trong năm học: 30%
- Thi hết môn: 70%

10. Yêu cầu của giảng viên đối với môn học:

- Yêu cầu về điều kiện để tổ chức giảng dạy môn học (giảng đường, phòng máy,):
 - + Giảng đường đảm bảo 2 sinh viên/ 1 bàn, có đủ ánh sáng, phấn, bảng
 - + Thiết bị hỗ trợ giảng dạy: Máy chiếu, Mic
- Yêu cầu đối với sinh viên (sự tham gia học tập trên lớp, quy định về thời hạn, chất lượng các bài tập về nhà, ...):
 - + Dự lớp: $\geq 70\%$ tổng số tiết mới được đánh giá điểm quá trình.
 - + Sinh viên dự lớp phải tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài.
 - + Máy tính bỏ túi.
 - + Hoàn thành đủ số lượng bài tập theo tiến độ
 - + Đọc giáo trình, tài liệu, thu thập thông tin liên quan đến bài học.

Hải Phòng, tháng 6 năm 2010

CHỦ NHIỆM KHOA

Người viết đề cương chi tiết

Ths.Hòa Thị Thanh Hương

Ths.Nguyễn Văn Thụ